

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2025/HS-PT

Ngày: 29 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Việt Trung;

Bà Trần Ngọc Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 41/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 178/2024/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1984 tại tỉnh Tiền Giang;
Số căn cước công dân: 082184018301;

- Nơi cư trú: Số G, ô A, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12;

- Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

- Con ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Ngô Thị M; Bị cáo có chồng là Quách Chu N (đã ly hôn) và có 02 người con;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú;

- Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án có 01 bị hại, 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/3/2019, bị cáo Nguyễn Thị Kim T cùng với bà Nguyễn Thị Kim C đến Văn phòng công chứng L, tại địa chỉ số D, đường N, Phường A, thành phố M để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 300, tờ bản đồ số 27, diện tích 192,9m² tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15/8/2017, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS26880 (số phôi CK 930147) cho Nguyễn Thị Kim T. Khi bị cáo T đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C nộp vào Văn phòng công chứng để làm thủ tục chuyển nhượng thì Văn phòng nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là giả nên bà C trình báo sự việc đến Công an phường A, thành phố M; Văn phòng công chứng L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M tố giác và chuyển toàn bộ hồ sơ công chứng cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Kết luận giám định số 472/KTHS(Đ3) ngày 24/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK930147 ghi tên người sử dụng đất: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1984, CMND số: 311773580 so với các mẫu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M cung cấp không được in ra từ cùng một bản in; Chữ ký tên “Phan Thanh N1” so với các tài liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cung cấp không phải do cùng một người ký ra; Hình dấu trên “CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM* TỈNH TIỀN GIANG SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” là giả.

2. Chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Thị Kim T, dấu vân tay in trên tài liệu trong hồ sơ chuyển nhượng thửa đất số 300, tờ bản đồ số 27, diện tích 192,9m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là do Nguyễn Thị Kim T ký, viết và in ra.

3. Chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Thị Kim C ghi trên tài liệu trong hồ sơ chuyển nhượng thửa đất số 300, tờ bản đồ số 27, diện tích 192,9m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là do Nguyễn Thị Kim C ký, viết ra.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Kim T đã khai nhận: Ngày 15/8/2017, bị cáo T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 300, tờ bản đồ số 27, diện tích 192,9m² địa chỉ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS2688. Đến ngày 04/01/2018, bị cáo T thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này tại Ngân hàng B chi nhánh Tiền Giang để vay số tiền 475.000.000 đồng. Sau khi thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên tại ngân hàng, lúc này do cần tiền để trả nợ nên khoảng tháng 10/2018, bị cáo T tìm hiểu qua mạng xã hội Facebook rồi cung cấp toàn bộ thông tin để đặt làm giả một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với

thửa đất số 300, tờ bản đồ số 27, diện tích 192,9m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS26880 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15/8/2017 cấp cho người sử dụng đất Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984, CMND số: 311773580, địa chỉ thường trú số G, ô A, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang với giá 5.000.000 đồng.

Sau đó, bị cáo T nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này do một người giao hàng tại khu vực ngã ba T. Ngày 06/3/2019, bị cáo T đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến nhà của bà Nguyễn Thị Kim C xin thế chấp để vay số tiền 350.000.000 đồng thì bà C đồng ý nhưng yêu cầu bị cáo T phải làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà C để đảm bảo việc trả nợ, bị cáo T đồng ý và hẹn ngày 15/3/2019 sẽ cùng bà C đến văn phòng công chứng làm hợp đồng. Do cần tiền gấp nên ngày 08/3/2019, bị cáo T đem giấy chứng nhận này thế chấp cho bà Phan Thị Ngọc V để vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng.

Đến ngày 15/3/2019, bị cáo T cùng với bà C đến Văn phòng công chứng L để làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất từ bị cáo T sang bà C. Tại đây, bị cáo T nói với bà C là đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền của người khác nên yêu cầu bà C đưa trước cho T 210.000.000 đồng để bị cáo T đi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Sau khi nhận tiền, bị cáo T đến gặp chị V để trả số tiền 200.000.000 đồng và lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả rồi quay lại Văn phòng công chứng đưa giấy giả cho bà C nộp vào để làm thủ tục chuyển nhượng thì bị phát hiện.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 178/2024/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim T phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; điểm b khoản 3 Điều 341 và khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 03 (ba) năm tù về “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 05 (năm) năm tù tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của hai tội nêu trên buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim T phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 13 tháng 12 năm 2024, bị cáo Nguyễn Thị Kim T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị Kim T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản án sơ thẩm, đồng thời có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị Kim T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở xác định: Qua mạng xã hội, bị cáo T đã cung cấp thông tin đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS26880, thửa đất số 300 có diện tích 192,9m², tờ bản đồ số 27 tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang để làm thế chấp vay 350.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Kim C. Bị cáo đã nhận của chị C số tiền 210.000.000 đồng và các bên đang làm thủ tục thế chấp bằng hình thức ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng L thì bị phát hiện. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 3 Điều 341 và điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Xét hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính và tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, xử phạt nghiêm khắc, tương xứng với từng tội danh mà bị cáo đã phạm là cần thiết, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và 05 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là thỏa đáng. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét. Vì thế, xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 178/2024/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim T phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 và Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và 05 (năm) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- VKSND thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Tuấn